TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49A/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-10-2019
"V/v Ly hôn giữa ông C và bà N"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Sáu

2. Ông Nguyễn Thành Dững

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2019 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Mã Văn C, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã N, huyện T, tỉnh Long An (Vắng mặt – Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã T, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2019, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Mã Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 1972, ông và bà Nguyễn Thị N đã xác lập quan hệ vợ chồng, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà N đã không còn sống chung từ khoảng năm 2013 đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà N.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông và bà N có 08(tám) con chung tên Mã Thị D, sinh ngày 04/9/1974; Mã Thị Thúy H, sinh ngày 06/12/1976; Mã Đức H, sinh ngày 16/9/1978; Mã Sơn L, sinh ngày 20/9/1980; Mã Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/1982; Mã Thanh T, sinh ngày 04/3/1985; Mã Thị Thanh S, sinh ngày 04/4/1987; Mã Thị Thanh X, sinh ngày 10/11/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về chia tài sản: Anh không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống ông và bà N không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn ban tố tụng theo quy định cho bà Nguyễn Thị N nhưng bà N không thể hiện ý kiến cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: 01 bản sao chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, 08 trích lục khai sinh, 01 đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Về hôn nhân: Xét thấy, Ông C và bà N chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1972, tó tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của ông C và bà N là hôn nhân thực tế. Kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập nhiều lần để các đương sự hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt, từ đó cho thấy bà N cũng không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, xét tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà N đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C. Về con chung: Ông C xác định giữa ông và bà N có 08(tám) con chung tên Mã Thị D, sinh ngày 04/9/1974; Mã Thị Thúy H, sinh ngày 06/12/1976; Mã Đức H, sinh ngày 16/9/1978; Mã Sơn L, sinh ngày 20/9/1980; Mã Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/1982; Mã Thanh T, sinh ngày 04/3/1985; Mã Thị Thanh S, sinh ngày 04/4/1987; Mã Thị Thanh X, sinh ngày 10/11/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài

sản, nợ chung: Do các bên không tranh chấp về tài sản chung và nguyên đơn xác định không có nợ chung nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Mã Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt; Ngày 15/7/2019, nguyên đơn ông Mã Văn C có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại các Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông C.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của ông Mã Văn C xin ly hôn với bà Nguyễn Thị N, thấy rằng: Ông C và bà N chung sống với nhau từ năm 1972, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987. Căn cứ vào khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ thì hôn nhân của ông C và bà N là hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Theo ông C, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vã, ông và bà N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2013 cho đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho bà N các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, bà N đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông C. Từ đó, cho thấy bà N cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của ông C và bà N đã lâm vào tình trạng trầm trọng một thời gian dài, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[3.2] Về nuôi con chung: Theo lời trình bày của ông C cùng các chứng cứ do ông C cung cấp thì ông C và bà N có 08(tám) con chung tên Mã Thị D, sinh ngày 04/9/1974; Mã Thị Thúy H, sinh ngày 06/12/1976; Mã Đức H, sinh ngày 16/9/1978; Mã Sơn L, sinh ngày 20/9/1980; Mã Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/1982; Mã Thanh T, sinh ngày 04/3/1985; Mã Thị Thanh S, sinh ngày 04/4/1987; Mã Thị Thanh X, sinh ngày 10/11/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành.

[3.3] Về chia tài sản: Ông C trình bày không tranh chấp về tài sản chung. Bà N vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét

xử không xem xét. Nếu có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Ông C xác định ông và bà N không có nợ chung.

[4] Về án phí: Ông Mã Văn C có đơn yêu cầu xin miễn án phí do ông C cao tuổi. Xét thấy, ông C sinh năm 1950 và theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009 thì ông C thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mã Văn C về việc "ly hôn" với bà Nguyễn Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Mã Văn C và bà Nguyễn Thị N.

2. Về nuôi con chung: Ông C và bà N có 08(tám) con chung tên Mã Thị D, sinh ngày 04/9/1974; Mã Thị Thúy H, sinh ngày 06/12/1976; Mã Đức H, sinh ngày 16/9/1978; Mã Sơn L, sinh ngày 20/9/1980; Mã Thị Thúy N, sinh ngày 27/11/1982; Mã Thanh T, sinh ngày 04/3/1985; Mã Thị Thanh S, sinh ngày 04/4/1987; Mã Thị Thanh X, sinh ngày 10/11/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Mã Văn C được miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- UBND xã T;
- THA huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Thúy